

Số: 32/2024/QĐST-HNGĐ

TB, ngày 06 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu 3, xã KX, huyện TB, tỉnh PT.

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu 3, xã KX, huyện TB, tỉnh PT.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1966;

3.2. Ông **Bùi Minh T** (tên gọi khác **Bùi Xuân K**), sinh năm 1966.

Đều có địa chỉ: Khu Tây Mỗ 1, xã PL, huyện ĐH, tỉnh PT; Người đại diện theo ủy quyền cho ông T: Bà Trần Thị D, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu Tây Mỗ 1, xã PL, huyện ĐH tỉnh PT.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 29/5/2024)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2024, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Phan Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phan Văn T.

* Về con chung: Chị H và anh T xác định anh chị có 02 con chung là cháu Phan H A, sinh ngày 02/5/2011 và cháu Phan T D, sinh ngày 28/02/2013 (hai cháu đang ở cùng chị H tại: khu Tây Mỗ 1, xã PL, huyện ĐH, tỉnh PT). Nay ly hôn chị H và anh T thống nhất thoả thuận: Chị H được quyền trực tiếp trông nom,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phan H A; Anh T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phan T D. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết.

* Về công nợ: Anh T có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà D và ông T (K) số tiền nợ (mua 228 bao buri vào ngày 01/12/2023 và ngày 03/12/2023) là 17.960.000đồng (*Mười bảy triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*), thời điểm thanh toán ngày 06/6/2024.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 07/6/2024) anh T không trả được, trả thiếu số tiền theo thoả thuận mà bà D và ông T (K) có đơn yêu cầu thi hành án thì anh T còn phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Chị Trần Thị H xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là: 150.000 đồng, (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*); Xác nhận chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí là: 300.000 đồng, (*Ba trăm nghìn đồng*); Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001930 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT. Trả lại cho chị Trần Thị H 150.000 đồng, (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- UBND xã KX, huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bình Luyến